

Bản án số: **118/2023/HC-PT**

Ngày: 27/02 - 02/3/2003

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Mai;

Các Thẩm phán:

Ông Thái Duy Nhiệm;

Ông Phạm Đình Khánh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuyền, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 27 tháng 02 đến ngày 02 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 03/2022/TLPT-HC ngày 10 tháng 01 năm 2022 về việc “Khiếu kiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai” do có kháng cáo của người khởi kiện, người bị kiện, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 14/7/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh YB.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6800/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 7 năm 2022 giữa:

*** *Người khởi kiện:*** Ông Đinh Tuấn D1, sinh năm 1968;

Bà Trần Thị X1, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh YB.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị X1: Ông Đinh Tuấn D1.

Ông D1 có mặt, bà X1 vắng mặt.

*** *Người bị kiện:*** Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB

Địa chỉ: Tổ dân phố TT, thị trấn ST, huyện VC, tỉnh YB;

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Đinh Văn Hà T1, chức vụ: Phó Chủ tịch; có mặt.

Người kháng cáo:

- Người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1, Bà Trần Thị X1.
- Người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB.

Người kháng nghị:

- Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm, tại đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 cùng thống nhất trình bày:

Năm 1998, căn cứ Quyết định số 314/QĐ-UB ngày 24/12/1996 của Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) tỉnh YB về việc phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng huyện VC mới tại xã ST, huyện VC đã tiến hành thống kê diện tích đất và tài sản trên đất của các hộ gia đình thuộc diện phải thu hồi.

Ngày 18/4/1998, Ban giải phóng mặt bằng (Viết tắt là BGPMB) của UBND huyện VC đã tiến hành lập bảng kê thanh toán khối lượng đền bù giải phóng mặt bằng (viết tắt là GPMB) cho gia đình Ông D1, bà X1 tổng diện tích đất bị thu hồi là 195,3m² đất ở và tài sản trên đất với tổng số tiền là 18.428.900 đồng. Vị trí đất bị thu hồi: Tại ngã tư khu trung tâm huyện đi vào cầu NB sang TH. Cùng ngày, gia đình ông, bà được BGPMB của huyện VC giao cho số tiền 13.428.900 đồng; đồng thời BGPMB của huyện VC giữ lại 5.000.000 đồng, mục đích để cấp trả lại cho gia đình ông, bà 01 suất đất mặt đường Quốc lộ 32, khu trung tâm huyện VC và 4.300.000 đồng tiền Nhà nước hỗ trợ tái định cư chưa thanh toán cho gia đình. Kể từ đó, gia đình ông, bà đã nhiều lần làm đơn đề nghị UBND huyện VC giải quyết và UBND tỉnh YB đã có nhiều công văn yêu cầu UBND huyện VC giải quyết nhưng gia đình ông, bà vẫn chưa nhận được kết quả giải quyết theo đúng quy định của pháp luật.

Đến ngày 27/9/2018, gia đình ông, bà nhận được Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện VC về việc xem xét, giải quyết đơn của ông Đinh Tuấn D1. Trong báo cáo có nội dung: *“Tuy nhiên hiện nay quỹ đất tại khu vực trung tâm, đất dọc theo Quốc lộ 32 tại khu vực trung tâm, xã ST không có nên các cơ quan chuyên môn của huyện đã rà soát, bố trí một thửa đất tại trục đường C tiếp giáp với vườn ươm của huyện thuộc thôn Bản Phiêng 1, xã ST, huyện VC với diện tích là 150m² (mặt tiếp giáp với trục đường C là 6m x 25m) để giao cho gia đình Ông D1. Tuy nhiên quá trình trao đổi thỏa thuận với ông Đinh Tuấn D1, đến nay Ông D1 không nhất trí với việc giao đất của UBND huyện như nêu trên”,* gia đình ông, bà không đồng ý với phương án giải quyết nêu trên của UBND huyện VC. Ông, bà cho rằng UBND huyện VC không chủ động, chưa quan tâm đến quyền lợi của gia đình, không dành quỹ đất phù hợp để đền bù cho gia đình ông, bà.

Đến nay đã 23 năm trôi qua, mặc dù gia đình ông, bà đã nhiều lần gửi đơn đến các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời Chủ tịch UBND tỉnh YB đã có nhiều văn bản chỉ đạo Chủ tịch UBND huyện VC, UBND huyện VC giải quyết cho gia đình ông, bà đúng theo quy định của pháp luật, nhưng đến nay UBND huyện VC vẫn không thực hiện.

Vì những lý do nêu trên, ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 khởi kiện yêu cầu Toà án buộc UBND huyện VC cấp trả lại cho gia đình ông, bà 01 lô đất thổ cư tương xứng với diện tích đất bị thu hồi của gia đình theo như thoả thuận ngày 18/4/1998 và trả tiền hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông, bà theo quy định của pháp luật.

Đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là UBND huyện VC, tỉnh YB trình bày:

UBND huyện VC không đồng ý với yêu cầu của người khởi kiện ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1, bởi những lý do sau đây:

- Tài liệu, chứng cứ do ông Đinh Tuấn D1 cung cấp cho Toà án như: Bảng kê thanh toán khối lượng đền bù, Biên bản giao nhận tiền đền bù cùng ngày 18/4/1998 chỉ là bản phô tô và không có dấu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không đảm bảo tính pháp lý. Biên bản kiểm kê và dự toán đền bù ngày 21/10/1997 (không có chữ ký của chủ sử dụng đất), đối chiếu với Bảng kê thanh toán khối lượng đền bù ngày 18/4/1998 cho thấy có 01 nhà diện tích là phù hợp nhưng diện tích đất, vật kiến trúc, cây cối hoa màu các số liệu đều có sự sai lệch.

- Biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 18/4/1998, căn cứ vào Quyết định số 314/QĐ-UB ngày 24/12/1996 của UBND tỉnh YB về phê duyệt quy hoạch tổng thể xây dựng huyện lỵ mới VC không đúng vì quyết định này mang tính xử sự chung, có hiệu lực bắt buộc chung được áp dụng trong phạm vi rộng chứ không phải văn bản để giải quyết một số công việc cụ thể.

Qua xem xét các văn bản do người khởi kiện xuất trình, người bị kiện cho rằng: Các biên bản này không đảm bảo tính pháp lý như: Thiếu chữ ký của các thành phần là đại diện của BGPMB; biên bản không có chữ ký của chủ sử dụng đất; số liệu giữa các biên bản có sự sai lệch, không khớp với nhau; các văn bản này không được đóng dấu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ... (có thể đây là biên bản lập khống hồ sơ đền bù nhằm trục lợi). Bởi theo Quyết định số 04/QĐ-UB ngày 08/01/1997 của UBND huyện VC về việc thành lập BGPMB để xây dựng huyện lỵ mới (tại Điều 02 có nêu: BGPMB dùng con dấu của Văn phòng UBND huyện...)

- Các hồ sơ, tài liệu đảm bảo tính pháp lý có liên quan đến việc xác định diện tích, vị trí, ranh giới thửa đất bị thu hồi không có nên không xác định được vị trí thửa đất và không có căn cứ để xác định BGPMB thời điểm năm 1998 có thu hồi 195,3m² đất của gia đình Ông D1 hay chưa thu hồi. Bởi trên thực tế, tại vị trí đất có liên quan đến đơn khởi kiện của Ông D1, năm 2017 Đoàn công

tác của UBND huyện VC xác minh đơn của Ông D1, tiến hành đo đạc kiểm tra hiện trạng việc sử dụng đất của gia đình Ông D1 xác định: Tổng diện tích đất hộ Ông D1 đang sử dụng là 844,7m², trong đó diện tích đất đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ năm 2010 là 265,9m²; diện tích đã được cấp giấy chứng nhận QSDĐ cho hộ gia đình ông Đinh Công T2 (em trai Ông D1) 73,8m²; diện tích còn lại là 505m² hiện nay gia đình Ông D1 vẫn đang sử dụng và không rõ nguồn gốc.

- Việc Ông D1 nêu BGPMB huyện VC năm 1998 đã giữ lại 5.000.000 đồng của gia đình ông với nội dung “*Trừ vào tiền giao đất cho gia đình*” khi giao nhận tiền đền bù. Đến nay, không có tài liệu nào đảm bảo tính pháp lý có thể hiện năm 1998, BGPMB của huyện VC có giữ và nộp 5.000.000 đồng của gia đình Ông D1 vào Ngân sách Nhà nước.

- Căn cứ vào hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc lập hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình Ông D1 vào năm 2010, xác định từ năm 1990 đến thời điểm năm 2010, Ông D1 được bố, mẹ là ông Đinh Văn V1 và bà Nguyễn Thị L1 cho tặng 265,9m² đất, diện tích đất không thay đổi, vẫn đủ. Diện tích đất này cùng vị trí với diện tích đã lập bảng kê thanh toán khối lượng đền bù mà Ban quản lý kiến thiết xây dựng huyện thông kê lập phương án GPMB cho Ông D1 từ năm 1998 nên không xác định việc Ông D1 năm 1998 bị thu hồi 195,3m² đất.

Ngày 16/4/2021, người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với nội dung yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc UBND huyện VC phải thanh toán tiền tái định cư do GPMB năm 1998 đối với gia đình ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh YB đã quyết định:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 27, Điều 28 của Luật Đất đai 1993; Điều 28, Điều 29 Nghị định số: 88/CP ngày 17-8-1994 của Chính Phủ quy định về quản lý và sử dụng đất đô thị; Điều 39 và Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 74, Điều 79, Điều 83, Điều 86 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 6 Số: 03/VBHN-BTNMT ngày 04-5-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hợp nhất Nghị định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 đối với Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB về việc phải thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải tiếp tục thực hiện chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu

hồi đất về số tiền được đền bù còn lại của Ban giải phóng mặt bằng huyện VC, tỉnh YB năm 1998 đối với ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1.

3. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải thanh toán tiền tái định cư do giải phóng mặt bằng năm 1998.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 28/7/2021, người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB có đơn kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Ngày 30/7/2021, Người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 có đơn kháng cáo với nội dung đề nghị sửa bản án sơ thẩm.

Ngày 28/7/2021, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB có quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC với nội dung đề nghị Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 rút toàn bộ kháng cáo và đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng:

Tài liệu, chứng cứ do ông Đinh Tuấn D1 cung cấp cho Tòa án đều có sự sai lệch, không đảm bảo tính pháp lý; Ông D1 không chứng minh được việc BGPMB huyện VC năm 1998 đã giữ lại 5.000.000 đồng của gia đình ông để trừ vào tiền giao đất cho gia đình khi giao nhận tiền đền bù. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận QSDĐ cho gia đình Ông D1 vào năm 2010, xác định từ năm 1990 đến thời điểm năm 2010, Ông D1 được bố, mẹ là ông Đinh Văn V1 và bà Nguyễn Thị L1 cho tặng 265,9m² đất nhưng thực tế Ông D1 đang sử dụng diện tích 844,7m² nên có cơ sở xác định năm 1998 Ông D1 không bị thu hồi 195,3m² đất. Do đó, Tòa án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện buộc Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải tiếp tục thực hiện chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về số tiền được đền bù còn lại của Ban giải phóng mặt bằng huyện VC, tỉnh YB năm 1998 đối với ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 là không có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo hướng bác tất cả các yêu cầu khởi kiện của Ông D1, bà X1.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội giữ nguyên nội dung Quyết định kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC ngày 28/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB như sau:

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 tự nguyện rút toàn bộ kháng cáo. Đề nghị HĐXX căn cứ khoản 3 Điều 218, điểm c, khoản 1 Điều 229 Luật TTHC, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1.

* Đối với yêu cầu kháng nghị của Viện trưởng VKSND tỉnh YB và kháng cáo của người bị kiện là UBND huyện VC, tỉnh YB thấy rằng:

Thứ nhất: Chưa đủ căn cứ xác định năm 1998 UBND huyện VC đã thu hồi đất của gia đình Ông D1, bà X1 hay chưa?

Theo báo cáo số 243/BC-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện VC xác định: Tổng diện tích mà hiện nay Ông D1 đang sử dụng tại khu vực cầu NB, xã ST là 844,7m², trong đó diện tích đã được cấp GCNQSD đất năm 2010 là 339,7m², diện tích chưa được cấp giấy là 505m². UBND huyện VC xác định Ông D1 đang sử dụng đất không rõ nguồn gốc. Theo lời khai của Ông D1 thì ông được ông V1, bà L1 cho ông quản lý 01 lô đất ngay cạnh thửa đất 195,3m² bị thu hồi, đến năm 2010 thì được UBND huyện VC cấp GCNQSD đất; ngoài ra Ông D1, bà X1 không có đất nào khác tại địa điểm trên.

Theo lời khai của ông Nguyễn Duy L2 (nguyên là cán bộ địa chính xã ST) khẳng định: Hiện nay, gia đình Ông D1 vẫn đang sử dụng mảnh đất kê khai đền bù năm 1998. Ông Lê Gia T2 khẳng định, khi làm cầu mới và toàn bộ đường vào cầu là đất của hộ khác, không phải hộ Ông D1. Khi giải phóng đền bù, Ông D1 không bàn giao đất nên chưa bị thu hồi.

Như vậy diện tích đất mà gia đình Ông D1 đang sử dụng là 844,7m² trong khi đó Ông D1, bà X1 chỉ được ông V1, bà L1 tặng cho 265,9m². Diện tích đất vượt có nguồn gốc như thế nào vẫn chưa được làm rõ. Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ, xác minh thu thập chứng cứ để xem xét việc năm 1998 Ban giải phóng mặt bằng đã kê khai, đền bù 195,3m² của gia đình Ông D1 có nằm trong phần đất 844,7m² hiện nay Ông D1 đang sử dụng hay không là chưa thực hiện đúng Điều 84, 88 Luật tổ tụng hành chính.

Mặt khác, căn cứ để xác định năm 1998 Ban giải phóng mặt bằng thu hồi, đền bù đất của hộ Ông D1 còn mâu thuẫn, chưa được làm rõ như sau: 03 tài liệu (Biên bản kiểm kê và dự toán đền bù ngày 21/10/1997; Bảng kê thanh toán khối lượng đền bù; Biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 18/4/1998) Ông D1 giao nộp làm căn cứ khởi kiện. Tuy nhiên, các tài liệu nêu trên chỉ kê khai, thanh toán về diện tích đất, tài sản trên đất của gia đình Ông D1, không nêu cụ thể vị trí, địa chỉ của thửa đất kê khai và đều không sử dụng con dấu của Văn phòng UBND huyện VC theo quy định tại Quyết định số 04/QĐ - UB ngày 08/01/1997 của UBND huyện VC. Như vậy, các tài liệu nêu trên chưa đảm bảo tính căn cứ pháp lý.

Như vậy, có thể diện tích đất Ban giải phóng mặt bằng huyện VC đã kê khai, đền bù năm 1998 của hộ Ông D1 chính là một phần đất nằm trong diện

tích gia đình Ông D1 đang sử dụng hiện nay, nghĩa là Ban giải phóng mặt bằng đã kê khai, đền bù nhưng chưa thu hồi đất.

Thứ hai, ngày 16/12/1998, UBND tỉnh YB mới ban hành Quyết định số 435/QĐ-UB phê duyệt kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng đợt 3 xây dựng huyện lỵ huyện VC, trong đó có hộ bà Trần Thị X1 được phê duyệt 17.607.200 đồng. Theo bảng kê thanh toán khối lượng đền bù và biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 18/4/1998 thì bà X1 nhận số tiền 18.428.900 đồng.

Theo lời khai của ông N1 (là Trưởng ban giải phóng mặt bằng), quá trình thu hồi đền bù đất được tiến hành theo trình tự: Ban giải phóng mặt bằng kiểm kê đất đai, tài sản trên đất -> lập dự toán đền bù cho các hộ dân bị thu hồi đất -> gửi dự toán về UBND tỉnh -> UBND tỉnh phê duyệt kinh phí -> Ban giải phóng mặt bằng thông báo cho các hộ dân biết -> hộ dân đến nhận tiền đền bù. Tuy nhiên căn cứ 3 biên bản Ông D1 giao nộp và Quyết định số 435 thấy rằng, quy trình thực hiện đối với hộ Ông D1 lại hoàn toàn mâu thuẫn với chính lời khai của ông N1: Ngày 21/10/1997 BGPMB kiểm kê -> ngày 18/4/1998 lập bảng kê, thanh toán cho hộ Ông D1 xong -> 16/12/1998 UBND tỉnh mới phê duyệt kinh phí, nghĩa là thanh toán đền bù trước mới phê duyệt kinh phí sau. Ông N1 là trưởng ban giải phóng mặt bằng, được ký xác nhận trong bảng kê ngày 21/10/1997, biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 18/4/1998 nhưng lại cho rằng không biết, không liên quan đến việc thanh toán trước, thanh toán nhiều hơn số tiền được duyệt, không chứng minh được nguồn kinh phí đã trả trước cho hộ Ông D1. Ông N1 cho rằng việc thanh toán trước, thanh toán nhiều hơn cũng như số tiền giữ lại của hộ Ông D1 là do Phòng tài chính thực hiện, bảng kê và biên bản là do thành viên của Ban giải phóng mặt bằng lập xong mang đến để trưởng ban ký nên ông không nắm rõ cụ thể vị trí, diện tích, số tiền đối với hộ Ông D1.

Như vậy, Ban giải phóng mặt bằng đã kiểm kê, thanh toán đền bù cho hộ Ông D1, bà X1 trước khi có phê duyệt kinh phí của UBND tỉnh YB gần 8 tháng và thanh toán cao hơn số tiền được phê duyệt 821.700 đồng. Do đó, cần xác minh làm rõ quá trình phê duyệt, chi trả tiền nêu trên.

Thứ ba, theo Biên bản giao nhận tiền đền bù ngày 18/4/1998, Ban giải phóng mặt bằng đã giữ lại số tiền 05 triệu đồng của hộ Ông D1 để trừ vào tiền cấp đất tái định cư. Tuy nhiên, theo Công văn số 24/CV-TCKH ngày 23/3/2021 của Phòng tài chính, kế hoạch UBND huyện VC khẳng định số tiền 05 triệu đồng không được nộp vào ngân sách nhà nước.

Như vậy, theo quy định thì 05 triệu đồng nêu trên phải được nộp vào ngân sách Nhà nước, là căn cứ để cấp đất tái định cư cho gia đình Ông D1 nhưng đến nay vẫn chưa làm rõ được số tiền 05 triệu đồng do cá nhân, cơ quan nào giữ, sử dụng vào mục đích gì.

Thứ tư, Ông D1 khởi kiện đưa ra yêu cầu cụ thể: Buộc UBND huyện VC cấp 01 lô đất ở mặt đường quốc lộ 32 từ ngã ba SG đến chân dốc BH. Theo lời khai ngày 02/6/2021 và tại phiên tòa, ông Nông Ích C1, đại diện theo ủy quyền

của người bị kiện khẳng định hiện nay không còn quỹ đất để cấp ở vị trí theo yêu cầu của Ông D1, trong khi Ông D1 lại cho rằng trên quốc lộ 32 từ ngã ba SG đến chân dốc BH vẫn còn quỹ đất để cấp tái định cư.

Đây là nội dung quan trọng liên quan đến yêu cầu khởi kiện của Ông D1 nhưng trình bày của người khởi kiện và người bị kiện lại khác nhau, không bên nào đưa ra căn cứ chứng minh. Do đó cần phải xác minh làm rõ. Trường hợp không còn quỹ đất theo yêu cầu của Ông D1 nên giải thích, hướng dẫn để đương sự có thể thay đổi bằng yêu cầu phù hợp với thực tế trong khả năng thực hiện của người bị kiện. Nếu người bị kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu (ngoài khả năng thi hành của người bị kiện, không phù hợp với thực tế) thì phải bác yêu cầu khởi kiện.

Thứ năm, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên: “Buộc UBND huyện VC phải tiếp tục thực hiện chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về số tiền được đền bù còn lại của Ban GPMB huyện VC năm 1998 đối với gia đình Ông D1, bà X1”, quyết định như vậy là không cụ thể, không rõ ràng, dẫn đến quá trình thi hành án các đương sự lại phải tiếp tục thỏa thuận về phương thức thi hành án (cấp 1 lô đất hay trả bằng tiền) hoặc khi người phải thi hành án không tự nguyện thi hành thì Cơ quan có thẩm quyền không có căn cứ để buộc UBND huyện VC cấp 1 lô đất ở đâu, kích thước như thế nào hay phải trả một số tiền bao nhiêu mới tương xứng với lô đất đã thu hồi năm 1998 cho Ông D1, bà X1.

Xét thấy, Bản án sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng và thu thập, đánh giá chứng cứ thiếu chính xác, cấp phúc thẩm không khắc phục được nên cần phải hủy bản án sơ thẩm để giải quyết lại. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 229 Luật Tố tụng hành chính, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của ông Đinh Tuấn D1, bà Trần Thị X1; căn cứ Khoản 3 Điều 241 Luật TTHC năm 2015, chấp nhận toàn bộ kháng nghị phúc thẩm số 05 ngày 28/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB và kháng cáo của người bị kiện UBND huyện VC: Hủy bản án sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 14/7/2021 của TAND tỉnh YB và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh YB để giải quyết lại.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đơn kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB; của người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB thực hiện trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc UBND huyện VC, tỉnh YB cấp trả lại cho gia đình ông, bà 01 lô đất thổ cư

tương xứng với diện tích đất bị thu hồi của gia đình theo như thoả thuận ngày 18/4/1998 và trả tiền hỗ trợ tái định cư cho gia đình ông, bà theo quy định của pháp luật nên Tòa án nhân dân tỉnh YB thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền.

[3] Tòa án sơ thẩm xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật.

[4] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án sơ thẩm đã nhiều lần yêu cầu người bị kiện là UBND huyện VC, tỉnh YB cung cấp hồ sơ trình tự, thủ tục về việc thu hồi đất và giải phóng mặt bằng năm 1998 đối với hộ gia đình ông Đinh Tuấn D1, nhưng UBND huyện VC không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nêu trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện là UBND huyện VC, tỉnh YB khẳng định hiện nay UBND huyện VC không thể cung cấp cho Tòa án Bản đồ quy hoạch thực hiện dự án và các bản đồ địa chính, bản đồ giải thửa qua các thời kỳ về vị trí 195,3m² đất Ông D1 trình bày bị thu hồi năm 1998; không cung cấp được hồ sơ, tài liệu đảm bảo tính pháp lý có liên quan đến việc xác định diện tích, vị trí, ranh giới thửa đất bị thu hồi năm 1998 để thực hiện dự án xây dựng huyện VC mới nên không xác định được vị trí thửa đất và không có căn cứ để xác định BGPMB thời điểm năm 1998 có thu hồi 195,3m² đất của gia đình Ông D1 hay chưa thu hồi. Do đó, kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB về việc Tòa án sơ thẩm không tiến hành xem xét thẩm định đối với diện tích 195,3m² đất của Ông D1, bà X1 bị thu hồi năm 1998 là không cần thiết và không thể thực hiện.

Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được Tòa án sơ thẩm thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật.

[5] Ngày 16/4/2021, người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 có đơn xin rút phần yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND huyện VC, tỉnh YB phải thanh toán tiền tái định cư do GPMB năm 1998 đối với gia đình ông nên Tòa án sơ thẩm đình chỉ đối với phần yêu cầu khởi kiện nêu trên của Ông D1, bà X1 là đúng quy định tại điểm c khoản 1 Điều 143, khoản 2 Điều 165 Luật Tố tụng hành chính.

[6] Sau khi xét xử sơ thẩm người khởi kiện là Ông D1, bà X1 kháng cáo đề nghị Tòa án giải quyết buộc UBND huyện VC, tỉnh YB phải thực hiện về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất theo chính sách của Nhà nước quy định năm 1998 với quy định thời gian cụ thể. Tuy nhiên, tại phiên tòa phúc thẩm, Ông D1 (đồng thời là người đại diện theo uỷ quyền của bà X1) tự nguyện rút toàn bộ nội dung kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ quy định tại Điều 229, Điều 241 Luật tố tụng hành chính đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của Ông D1, bà X1.

[7] Mặc dù tài liệu, chứng cứ do ông Đinh Tuấn D1 cung cấp cho Tòa án như: Bảng kê thanh toán khối lượng đền bù, Biên bản giao nhận tiền đền bù cùng ngày 18/4/1998 chỉ là bản phô tô và không có dấu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nên không đảm bảo tính pháp lý. Biên bản kiểm kê và dự toán đền bù ngày 21/10/1997 không có chữ ký của chủ sử dụng đất, thiếu chữ ký của các thành phần là đại diện của BGPMB; số liệu giữa các biên bản có sự sai lệch, không khớp với nhau; các văn bản này không được đóng dấu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền; nội dung trình bày của người khởi kiện, đại diện người bị kiện, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan và người làm chứng có mâu thuẫn. Tuy nhiên, căn cứ Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 16/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh YB về việc phê duyệt kinh phí đền bù giải phóng mặt bằng đợt 3 xây dựng huyện lỵ VC, trong đó có danh sách hộ gia đình bà Trần Thị X1 (là vợ ông Đinh Tuấn D1); Quyết định số 23/QĐ-UBND ngày 04/3/1997 của Ủy ban nhân dân huyện VC về giá đền bù về đất thổ cư, thổ canh của nhân dân xã ST do phải di chuyển để phục vụ xây dựng cơ bản huyện lỵ VC; các văn bản về việc xem xét, giải quyết khiếu nại của ông Đinh Tuấn D1 như Biên bản làm việc ngày 21/11/2006; biên bản làm việc giữa Đoàn công tác xác minh đơn của Ủy ban nhân dân huyện VC với gia đình ông Đinh Tuấn D1 ngày 16/5/2017; Báo cáo số 243/BC-UBND ngày 25/9/2018 của UBND huyện VC, tỉnh YB về việc xem xét, giải quyết đơn của ông Đinh Tuấn D1 có đủ cơ sở xác định năm 1998, khi thực hiện việc giải phóng mặt bằng xây dựng huyện lỵ mới Văn Chấn, Nhà nước có thu hồi diện tích 195,3m² đất ở của gia đình ông Đinh Tuấn D1, có thực hiện việc đền bù về đất và tài sản trên đất, tổng số tiền đền bù hỗ trợ là 17.607.200 đồng (*Mười bảy triệu sáu trăm linh bảy ngàn hai trăm đồng*); quá trình thực hiện việc thanh toán đền bù theo quy định của Ủy ban nhân dân huyện VC, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện đã thực hiện:

- Thanh toán cho gia đình ông Đinh Tuấn D1 tiền đền bù vượt so với Quyết định phê duyệt là 821.700 đồng (*Tám trăm hai một ngàn bảy trăm đồng*) thể hiện tại Biên bản thanh toán tiền đền bù ngày 18/4/1998 số tiền 18.428.900 đồng trong khi Quyết định số 435/QĐ-UBND ngày 16/12/1998 của Ủy ban nhân dân tỉnh YB phê duyệt kinh phí đền bù là 17.607.200 đồng.

- Khi thanh toán tiền đền bù, Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện VC đã giữ lại của gia đình ông Đinh Tuấn D1 số tiền là 5.000.000 đồng để thanh toán vào tiền cấp đất bố trí tái định cư cho gia đình ông Đinh Tuấn D1 theo vị trí tương ứng (*đất giáp Quốc Lộ 32*).

Quá trình tham gia tố tụng, các đương sự đều trình bày năm 2006, Ủy ban nhân dân huyện VC đã xem xét, giải quyết bố trí cho gia đình ông Đinh Tuấn D1 một thửa đất thổ cư tại vị trí đường nhánh B của huyện VC nhưng gia đình ông Đinh Tuấn D1 không đồng ý nhận.

Do đó, có căn cứ để xác định năm 1998, để phục vụ xây dựng cơ bản huyện lỵ Văn Chấn, BGPMB huyện VC đã thực hiện kiểm kê, thu hồi, GPMB

đối với gia đình ông Đinh Tuấn D1 như nội dung tại Bảng kê thanh toán khối lượng đền bù và Biên bản giao nhận tiền đền bù cùng ngày 18/4/1998. Không chấp nhận nội dung Kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB cho rằng không có căn cứ để xác định thời điểm năm 1998 Ủy ban nhân dân huyện VC có thu hồi 195,3m² đất của gia đình Ông D1 hay chưa thu hồi.

[8] Cùng thời điểm triển khai thực hiện dự án với hộ Ông D1, bà X1 năm 1998, các hộ gia đình khác thuộc diện phải thu hồi đất để xây dựng huyện lỵ mới tại thôn bản Phiêng W1, W2 và Bản L, khu phố C là Hà Thị D2, bà Đinh Thị B1, ông Ninh Văn B2, bà Lò Thị E1, bà Hà Thị D3, bà Hà Thị I1 (chồng là ông Đồng Văn Y1), ông Hà Văn M1, bà Lò Thị V1, bà Hà Thị M1, bà Đinh Thị L2 (chồng là Lò Văn I2), ông Hà Công L3 đều xác nhận: Năm 1998, gia đình Ông D1, bà X1 cùng một số hộ thuộc diện thu hồi đất để xây dựng huyện VC mới. BGPMB có xuống đo đạc và thống kê đền bù. Phòng Tài chính huyện VC trả tiền đền bù cho các hộ dân đều giữ lại 5.000.000 đồng để cầm đất tái định cư cho gia đình bị thu hồi đất mà không có biên lai và giấy tờ gì khác. Sau nhiều lần đề nghị, UBND huyện VC, tỉnh YB đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho một số hộ gia đình ở Bản L, khu phố NC, Bản Phiêng W1, còn một số hộ thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đất của Ông D1 cũng bị thu hồi năm 1998 cùng các hộ gia đình nhưng gia đình Ông D1 vẫn chưa được cấp đất mới. UBND huyện VC không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc sau khi nhận tiền đền bù gia đình Ông D1, bà X1 không bàn giao mặt bằng. Năm 2010, Ông D1 đăng ký kê khai đề cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nguồn gốc của bố mẹ cho từ năm 1990 nhưng hồ sơ thẩm định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không thể hiện diện tích đề nghị cấp 265,3m² có bao gồm 195,3m² đất ở đã thu hồi năm 1998 và gia đình đã nhận tiền đền bù nên không có cơ sở chấp nhận quan điểm cho rằng gia đình Ông D1, bà X1 vẫn đang sử dụng 195,3m² đất từ năm 1998, chưa bàn giao cho BGPMB.

[9] Các tài liệu chứng cứ nêu trên đủ cơ sở khẳng định Phòng Tài chính huyện VC khi trả tiền đền bù đã giữ lại 5.000.000 đồng để cầm đất tái định cư cho gia đình Ông D1, bà X1. Đến nay chưa có căn cứ để xác định Hội đồng giải phóng mặt bằng huyện VC nộp số tiền giữ lại của gia đình ông Đinh Tuấn D1 vào Ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, đây là trách nhiệm của cơ quan, cá nhân thực hiện công vụ, không liên quan đến nghĩa vụ của hộ gia đình bị thu hồi đất. Do đó, kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB cho rằng người khởi kiện không chứng minh được việc đã nộp số tiền là 5.000.000 đồng vào Ngân sách Nhà nước nên không đủ điều kiện cấp đất tái định cư là không có cơ sở chấp nhận.

[10] Thời gian giải quyết quyền lợi của người bị thu hồi đất phát triển kinh tế, xã hội kéo dài hơn 23 năm. Gia đình Ông D1, bà X1 đã nhiều lần gửi

đơn đến các cơ quan có thẩm quyền. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh YB đã có Công văn số 2038/UBND-TCĐ ngày 31/8/2018 chỉ đạo về việc giải quyết dứt điểm khiếu nại của hộ ông Đinh Tuấn D1.

Thực hiện Công văn chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh YB, ngày 25/9/2018 UBND huyện VC, tỉnh YB đã có Báo cáo số 243/BC-UBND đề xuất rà soát, bố trí quỹ đất tại khu vực trung tâm xã ST để giao đất cho hộ gia đình ông Đinh Tuấn D1, trong đó có nội dung *“hiện nay quỹ đất tại khu vực trung tâm, đất dọc theo Quốc lộ 32 tại khu vực trung tâm xã ST không có nên các cơ quan chuyên môn của huyện đã rà soát, bố trí một thửa đất tại trục đường C tiếp giáp với vườn ươm của huyện thuộc thôn bản phiêng I, xã ST, huyện VC với diện tích là 150m² (mặt tiếp giáp với trục đường C là 6m x 25m) để giao đất cho gia đình Ông D1 nhưng quá trình trao đổi, thỏa thuận với ông Đinh Tuấn D1 không nhất trí với việc bố trí giao đất của Ủy ban nhân dân huyện VC như trên”*. Ông D1 cho rằng vị trí thửa đất nêu trên không tương xứng với vị trí đất gia đình ông bị thu hồi nên không đồng ý nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB khẳng định Ủy ban nhân dân huyện chỉ mới trao đổi, thỏa thuận với gia đình Ông D1, bà X1 về phương án bố trí tái định cư nhưng chưa thống nhất nên chưa triển khai việc giao đất theo trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật.

Do đó, Bản án sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 về việc buộc Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất đối với ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 là có căn cứ.

[11] Tuy nhiên, Bản án sơ thẩm tuyên “2. Buộc Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải tiếp tục thực hiện chính sách của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất về số tiền được đền bù còn lại của Ban giải phóng mặt bằng huyện VC, tỉnh YB năm 1998 đối với ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1” là không chính xác nên Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên của Bản án đúng theo quy định của pháp luật.

[12] Yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 được chấp nhận nên ông bà không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm. Tòa án sơ thẩm buộc người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật.

[13] Từ những phân tích trên cho thấy không có cơ sở chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB về việc đề nghị hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh YB để giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[14] Án phí hành chính phúc thẩm: Kháng cáo không được chấp nhận

nhưng Hội đồng xét xử phúc thẩm sửa cách tuyên của Bản án sơ thẩm nên người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ Điều 229, khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1.

2. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của người bị kiện là Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB; không chấp nhận Kháng nghị số 05/QĐ-VKS-HC ngày 28/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh YB.

3. Sửa cách tuyên tại Bản án hành chính sơ thẩm số 04/2021/HC-ST ngày 14 tháng 7 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh YB như sau:

Căn cứ Điều 30, Điều 32, điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 348 của Luật Tổ tụng hành chính; Điều 27, Điều 28 của Luật Đất đai 1993; Điều 28, Điều 29 Nghị định số: 88/CP ngày 17-8-1994 của Chính Phủ quy định về quản lý và sử dụng đất đô thị; Điều 39 và Điều 42 của Luật Đất đai năm 2003; Điều 74, Điều 79, Điều 83, Điều 86 của Luật Đất đai 2013; khoản 1 Điều 6 Số: 03/VBHN-BTNMT ngày 04-5-2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hợp nhất Nghị định về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/NQ/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

3.1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 đối với Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB về việc phải thực hiện hành vi hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải thực hiện hành vi công vụ theo quy định của pháp luật về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất năm 1998 đối với ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1.

3.2. Đình chỉ yêu cầu của người khởi kiện là ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải thanh toán tiền tái định cư do giải phóng mặt bằng năm 1998.

3.4. Án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng Ông D1, bà X1 đã nộp tại Biên lai thu số AA/2017/0008664 ngày 18/12/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh YB.

- Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm.

4. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Đinh Tuấn D1 và bà Trần Thị X1 và Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB đều không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Ông D1, bà X1 đã nộp tại Biên lai thu số 0008690 ngày 13 tháng 8 năm 2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh YB.

Hoàn trả số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm Ủy ban nhân dân huyện VC, tỉnh YB đã nộp tại Biên lai thu số 0008689 ngày 11 tháng 8 năm 2021 của Cục Thi hành án Dân sự tỉnh YB.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

***Nơi nhận:**

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh YB;
- VKSND tỉnh YB;
- Cục THADS tỉnh YB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Mai